

Đơn vị: VIỆN KHOA HỌC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
Mã QHNS: 1059302

Mẫu số C11-HD
(Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

HỢP ĐỒNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Số: 01/2022-TNMT.2020.07.02

Căn cứ Hợp đồng khoa học và công nghệ số: VĐĐBĐ-TNMT.2020.07.02 ngày 01/7/2020 giao thực hiện đề tài: “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị định vị GNSS, thu nhận tín hiệu cải chính từ hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia” giữa Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ với Chủ nhiệm đề tài.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, số 479 - Hoàng Quốc Việt - Bắc Từ Liêm - Hà Nội, gồm có:

Bên giao (Bên A): Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ

Đại diện là ông: Nguyễn Phi Sơn, Chức vụ: Viện trưởng
Địa chỉ: Số 479 - Hoàng Quốc Việt - Bắc Từ Liêm - Hà Nội.
Điện thoại: 024.6269.4402
Tài khoản: 3713.0.1059302 Tại: Kho bạc Nhà nước Hà Nội
Mã QHNS: 1059302
Mã số thuế: 0100104193
Chủ nhiệm đề tài: KS. Ngô Thị Liên

Bên nhận (Bên B): Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học Kỹ thuật

Đại diện: Ông Nguyễn Trường Xuân
Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại: 035.4806361/0983.355935
Địa chỉ: Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Số 18, Phố Viên, phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Số tài khoản: 1462201005013 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Tây Đô.
Mã số thuế: 0100764383
Cùng ký kết hợp đồng giao khoán công việc triển khai nghiên cứu các nội dung của đề tài như sau:

I- Những điều khoản chung về Hợp đồng:

- Nội dung hợp đồng: Bên A giao cho bên B thực hiện xây dựng 01 phần mềm Server trung tâm phiên bản Window (chi tiết xem phụ lục kèm theo).

- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2022.

- Giá trị Hợp đồng: **394.408.000 đ** (Ba trăm chín tư triệu, bốn trăm linh tám nghìn đồng chẵn./.). Đã bao gồm thuế VAT

- Xử phạt các các hình thức vi phạm hợp đồng:

Bên nhận khoán cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng giao khoán của Viện trưởng. Sản phẩm giao nộp đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng đạt yêu cầu và đầy đủ số lượng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung, hai bên phải kịp thời thoả thuận bằng văn bản (thông qua Phòng Khoa học, Đào tạo, Hợp tác Quốc tế và Tạp chí) để giải quyết. Các thay đổi và bổ sung này là bộ phận của hợp đồng để làm căn cứ khi nghiệm thu.

II- Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B:

a) Bên A giao cho bên B thực hiện xây dựng 01 phần mềm Server trung tâm phiên bản Window (chi tiết xem phụ lục kèm theo)

b) Trách nhiệm:

1. Báo cáo tiến độ theo đúng Quy định hiện hành.
2. Giao nộp sản phẩm là 01 phần mềm Server trung tâm phiên bản Window.
3. Chất lượng báo cáo phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng khoa học, đầy đủ thông tin và phục vụ cho quá trình nghiên cứu của đề tài.
4. Thời gian giao nộp: Ngày 15 tháng 4 năm 2022.

c) Quyền lợi:

- Tổng giá trị hợp đồng là **394.408.000 đ** (Ba trăm chín tư triệu, bốn trăm linh tám nghìn đồng chẵn./.).
- Được tạm ứng 50% giá trị hợp đồng (số tiền tương ứng **197.204.000 đ**) theo tiến độ thực hiện của công việc và các thông tư hướng dẫn.
- Giá trị còn lại của hợp đồng sẽ được thanh toán sau khi nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

III- Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A

a) Trách nhiệm:

- Tạo điều kiện thuận lợi về tài liệu, cơ sở pháp lý và thời gian để Bên nhận khoán hoàn thành tốt và đúng thời hạn nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tiến độ thực hiện công việc, khối lượng, chất lượng sản phẩm.

b) Nghĩa vụ:

- Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng theo tiến độ thực hiện của công việc và tiến độ cấp kinh phí của đề tài.

- Thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng khi có kết quả nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và Bên B phải xuất hóa đơn tài chính cho bên A.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

BÊN A (BÊN GIAO)
VIỆN KHOA HỌC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
VIỆN TRƯỞNG




Nguyễn Phi Sơn

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Ngô Thị Liên

BÊN B (BÊN NHẬN)
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT
GIÁM ĐỐC




Nguyễn Trường Xuân

Phụ lục

(Kèm theo Hợp đồng phối hợp nghiên cứu số: 01/2022-TNMT.2020.07.02 ngày 10 tháng 01 năm 2022)

**Xây dựng phần mềm Server trung tâm phiên bản Window thuộc Đề tài:
“Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị định vị GNSS, thu nhận tín hiệu cải
chính từ hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia”**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thu thập yêu cầu phần mềm và phân tích nội dung thông tin dữ liệu					
1.1						
	Thu thập yêu cầu phần mềm	THSD	KK1	16,6	375.000	6.223.000
		THSD	KK2	16,6	468.000	
		THSD	KK3	16,6	609.000	
	Xác định yêu cầu chức năng	THSD	KK1	16,6	1.253.000	20.808.000
		THSD	KK2	16,6	1.566.000	
		THSD	KK3	16,6	2.036.000	
	Xác định yêu cầu phi chức năng	Phần mềm	KK1	1	5.301.000	5.301.000
		Phần mềm	KK2	1	6.624.000	
		Phần mềm	KK3	1	8.609.000	
	Quy đổi trường hợp sử dụng	THSD		16,6	50.000	
1.2	Phân tích nội dung thông tin dữ liệu					
	Xác định danh mục các ĐTQL	ĐTQL	KK1	3,7125	1.671.000	
		ĐTQL	KK2	3,7125	2.088.000	
		ĐTQL	KK3	3,7125	2.714.000	
	Xác định chi tiết các thông tin cho từng ĐTQL	ĐTQL	KK1	3,7125	14.981.000	
		ĐTQL	KK2	3,7125	18.725.000	
		ĐTQL	KK3	3,7125	24.341.000	
	Xác định chi tiết các quan hệ giữa các ĐTQL	ĐTQL	KK1	3,7125	5.512.000	
		ĐTQL	KK2	3,7125	6.889.000	
		ĐTQL	KK3	3,7125	8.955.000	
	Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu	ĐTQL	KK	3,7125	1.566.000	
	Xác định chi tiết các tài liệu quét (tài liệu đính kèm) và các tài liệu dạng giấy cần nhập vào cơ sở dữ liệu từ bàn phím	Bộ dữ liệu	KK1	0	664.000	
		Bộ dữ liệu	KK2	0	829.000	
		Bộ dữ liệu	KK3	0	1.078.000	
	Xác định khung danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu	CSDL	KK1	0	15.391.000	

STT	Nội dung	Đơn vị	KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	sử dụng trong cơ sở dữ liệu	CSDL	KK2	0	19.236.000	
		CSDL	KK3	0	25.004.000	
	Quy đổi đối tượng quản lý	ĐTQL	KK	0	50.000	
2	Mô hình hóa chi tiết nghiệp vụ					
	Mô hình hóa chi tiết quy trình, nghiệp vụ	THSD	KK1	16,6	793.000	
		THSD	KK2	16,6	991.000	16.456.000
		THSD	KK3	16,6	1.288.000	
	Xây dựng biểu đồ THSD nghiệp vụ	THSD	KK1	16,6	1.189.000	
		THSD	KK2	16,6	1.486.000	24.672.000
		THSD	KK3	16,6	1.932.000	
3	Thiết kế					
	Thiết kế kiến trúc phần mềm	THSD	KK1	16,6	836.000	13.881.000
		THSD	KK2	16,6	1.045.000	
		THSD	KK3	16,6	1.358.000	
	Thiết kế biểu đồ THSD	THSD	KK1	16,6	1.654.000	
		THSD	KK2	16,6	2.068.000	34.322.000
		THSD	KK3	16,6	2.687.000	
	Thiết kế biểu đồ hoạt động	THSD	KK1	16,6	793.000	
		THSD	KK2	16,6	991.000	16.455.000
		THSD	KK3	16,6	1.288.000	
	Thiết kế biểu đồ tuần tự	THSD	KK1	16,6	793.000	13.168.000
		THSD	KK2	16,6	991.000	
		THSD	KK3	16,6	1.288.000	
	Thiết kế biểu đồ lớp	THSD	KK1	16,6	1.654.000	27.461.000
		THSD	KK2	16,6	2.067.000	
		THSD	KK3	16,6	2.687.000	
	Thiết kế giao diện	THSD	KK1	16,6	409.000	6.791.000
		THSD	KK2	16,6	509.000	
		THSD	KK3	16,6	659.000	
4	Lập trình					
	Viết mã nguồn	THSD	KK1	16,6	6.742.000	111.917.000
		THSD	KK2	16,6	8.427.000	
		THSD	KK3	16,6	10.954.000	
	Tích hợp mã nguồn	THSD	KK1	16,6	793.000	13.170.000
		THSD	KK2	16,6	991.000	
		THSD	KK3	16,6	1.288.000	
5	Kiểm thử					
	Kiểm tra mã nguồn theo quy tắc lập trình	THSD	KK	1	221.000	221.000
	Kiểm tra mức thành phần	THSD	KK1	16,6	1.059.000	17.573.000
		THSD	KK2	16,6	1.323.000	
		THSD	KK3	16,6	1.720.000	
	Kiểm tra mức hệ thống	THSD	KK1	16,6	396.000	6.581.000
		THSD	KK2	16,6	495.000	

STT	Nội dung	Đơn vị	KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
		THSD	KK3	16,6	644.000	
6	Triển khai					
		THSD	KK1	16,6	299.000	4.957.000
	Đóng gói phần mềm	THSD	KK2	16,6	373.000	
		THSD	KK3	16,6	484.000	
		THSD	KK1	16,6	89.000	1.476.000
	Cài đặt phần mềm	THSD	KK2	16,6	111.000	
		THSD	KK3	16,6	144.000	
		THSD	KK1	16,6	265.000	4.407.000
	Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm	THSD	KK2	16,6	332.000	
		THSD	KK3	16,6	431.000	
		THSD	KK1	16,6	530.000	8.799.000
	Hướng dẫn, hỗ trợ người sử dụng cho người dùng cuối	THSD	KK2	16,6	662.000	
		THSD	KK3	16,6	861.000	
7	Quản lý và cập nhật thay đổi					
	Ghi nhận yêu cầu thay đổi	THSD	KK	16,6	194.000	3.223.000
	Cập nhật các sản phẩm để đáp ứng yêu cầu thay đổi	THSD	KK	16,6	993.000	16.492.000
8	Phục vụ nghiệm thu và giao nộp sản phẩm			16,6		
	Lập báo cáo tổng kết nhiệm vụ và phục vụ nghiệm thu sản phẩm	THSD	KK	16,6	523.000	8.688.000
	Đóng gói các sản phẩm dạng giấy và dạng số	THSD	KK	16,6	114.000	1.901.000
	Giao nộp sản phẩm	THSD	KK	16,6	194.000	3.217.000
9	Bảo trì phần mềm				0	
		THSD	KK1	16,6	376.000	6.247.000
	Bảo trì phần mềm	THSD	KK2	16,6	470.000	
		THSD	KK3	16,6	611.000	
						394.408.000

Đơn vị: VIỆN KHOA HỌC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
Mã QHNS: 1059302

Trà TT TX 053/21
Mẫu số C12-HD
(Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, THANH LÝ
HỢP ĐỒNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

01/2022-TNMT.2020.07.02

Căn cứ vào hợp đồng phối hợp nghiên cứu số: 01/2022-TNMT.2020.07.02, ký ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa: **bên A** là Ông Nguyễn Phi Sơn, Đại diện cho Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Bên giao, và **bên B** là Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học kỹ thuật, Đại diện Bên nhận.

Căn cứ Biên bản bàn giao sản phẩm hợp đồng nghiên cứu khoa học ngày 15/4/2022.

Hôm nay, ngày 15 tháng 4 năm 2022, chúng tôi tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Bên giao (Bên A): Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ

Đại diện là ông: **Nguyễn Phi Sơn**

Chức vụ: Viện trưởng

Địa chỉ: Số 479 - Hoàng Quốc Việt - Bắc Từ Liêm - Hà Nội.

Điện thoại: 024.6269.4402

Tài khoản: 3713.0.1059302

Tại: Kho bạc Nhà nước Hà Nội

Mã số thuế: 0100104193

Mã QHNS: 1059302

Chủ nhiệm đề tài: KS. Ngô Thị Liên

Bên nhận (Bên B): Trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật

Đại diện: Ông **Nguyễn Trường Xuân**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Số 18, Phố Viên, phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 035.4806361/0983.355935

Số tài khoản: 1462201005013 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Tây Đô.

Mã số thuế: 0100764383

Sau khi kiểm tra xem xét quá trình thực hiện hợp đồng và sản phẩm của bên B bàn giao cho bên A bao gồm 01 phần mềm Server trung tâm phiên bản Window (phụ lục kèm theo).

Hai bên nhất trí kết luận như sau:

- Về sản phẩm: 01 phần mềm Server trung tâm phiên bản Window bằng

file số và in trên giấy đạt yêu cầu, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

- Hai bên thống nhất nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với giá trị là: **394.408.000 đ** (Ba trăm chín tư triệu, bốn trăm linh tám nghìn đồng chẵn).

- Số tiền bên B đã tạm ứng là: **197.204.000 đ** (Một trăm chín bảy triệu, hai trăm linh tư nghìn đồng chẵn).

- Số tiền bên B đề nghị thanh toán là: **197.204.000 đ** (Một trăm chín bảy triệu, hai trăm linh tư nghìn đồng chẵn).

Biên bản được 2 bên thông qua và thống nhất nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được lập thành 6 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản.

BÊN A (BÊN GIAO)
VIỆN KHOA HỌC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Phi Sơn

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Ngô Thị Liên

BÊN B (BÊN NHẬN)
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT
TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường Xuân

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu (Sign): 1C22TYY

Số (No): **00000053**

Ngày (Date) 15 tháng (month) 04 năm (year) 2022

Mã CQT (Code): 00F7C143B31CF7470195AFDA67F7AC5F92

Đơn vị bán hàng (Supplier): **TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

Mã số thuế (Tax code): **0100764383**

Địa chỉ (Address): Tầng 1 Nhà A, Trường ĐH Mở - Địa Chất, số 18 phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại (Tel): 0354806361

Số tài khoản (Bank account): 1462201005013 Tại NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Tây Đô

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **VIỆN KHOA HỌC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Mã số thuế (Tax code): 0100104193

Địa chỉ (Address): Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account): 3713.0.1059302 tại KBNN Hà Nội

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của hợp đồng số 01/2022 - TNMT.2020.07.02 ngày 10/01/2022.	Hợp đồng	1,00	375.626.666,67	375.626.667
Cộng tiền hàng: (Total before VAT):					375.626.667
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		18.781.333
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					394.408.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: **TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC KỸ THUẬT**

Ký ngày: **15/04/2022**



1 / 1



(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)